

Bản án số: 93/2024/DS-PT

Ngày: 24/6/2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2023/DS-PT ngày 10/11/2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐ-PT ngày 22/01/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Việt H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, phường H, TP., tỉnh Thái Nguyên; có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt; uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đặng Xuân P; địa chỉ: Tổ A, phường P, TP., tỉnh Thái Nguyên; có mặt bà N, vắng mặt ông P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tạ Thị Thu H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, phường H, TP., tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1974; vắng mặt; uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đặng Xuân P; địa chỉ: Tổ A, phường P, TP., tỉnh Thái Nguyên; có mặt bà N, vắng mặt ông P.

3. Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị Hồng H2; địa chỉ: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; xin vắng mặt

Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường P, TP., tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt
2. Anh Nguyễn Việt H3, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, phường H, TP., tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt
3. Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, phường H, TP., tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt
4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ B, phường Q, TP., tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt
5. Anh Đoàn Văn L1 và chị Đặng Thị H4; địa chỉ: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Hoàng Việt H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị Thu H1 trình bày:

Anh H mua thửa đất số 696, tờ bản đồ số 9, diện tích 47,5m² đất ở đô thị và thửa 312, tờ bản đồ số 9, diện tích 150,5m² đất trồng cây lâu năm khác, thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên của vợ chồng anh Đoàn Văn L1 và chị Đặng Thị H4. Ngày 18/01/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Việt H và Tạ Thị Thu H1. Các thửa đất nhận chuyển nhượng nêu trên giáp với thửa đất 729 và 730, tờ bản đồ số 9 của anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị S. Do gia đình anh chưa có nhu cầu sử dụng, nên cho anh Đ mượn thửa đất 696 và 312 để máy móc xây dựng, trồng rau. Sau khi mượn anh Đ đã làm hàng rào tôn quây vào hai thửa đất 696, 312. Năm 2021, gia đình anh H có nhu cầu xây nhà để ở, yêu cầu anh Đ dỡ hàng rào tôn trả lại đất cho anh. Anh Đ đã dỡ hàng rào tôn, nhưng vẫn xây hàng rào tôn lấn sang nhà anh khoảng 30m² trên cả phần đất thửa 696 và 312.

Anh Hoàng Việt H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Đ phải tháo dỡ hàng rào tôn trả lại diện tích đất lấn chiếm 28,7m² tại thửa đất số 312 và 26,6m² tại thửa đất số 696, tờ bản đồ địa chính số I phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất 729, 312, 696, tờ bản đồ số 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên có nguồn gốc năm 2012, anh Đ nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Việt H3 nhưng thực chất là của anh Đỗ Văn T1, thửa đất 730 anh Đ nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Ngọc T năm 2021. Khi nhận chuyển nhượng, các thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích thửa đất 696 và 312 là 197,5m², nhưng thực tế chỉ có 180m²; tổng diện tích thửa 730 và 729 là 197,5m² nhưng thực tế chỉ có 180m².

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012, anh Đ xây hàng rào bằng gạch cao 30cm để chia 4 thửa thành hai ô riêng biệt, xây dựng

công trình trên thửa đất 729, thửa 730 và sử dụng cho đến nay, còn thửa đất 696 và 312 để trống. Năm 2017, anh Đ chuyển nhượng cho anh Đặng Văn T2 thửa đất số 696 và 312. Khi bán anh có nói các thửa đất này diện tích ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích theo bì là 197,5m², thực tế chỉ có 180m² và chỉ ranh giới các thửa đất này cho anh T2, anh T2 nhất trí nhận chuyển nhượng. Sau đó anh Đặng Văn T2 lại chuyển nhượng cho anh H3, chị H1. Nay anh Hoàng Việt H khởi kiện đòi anh Đ trả lại diện tích đất theo bản đồ địa chính là không có căn cứ.

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị Hồng H2 trình bày: Năm 2012, anh chị mua thửa đất 730, tờ bản đồ số 9, diện tích 47,5m², phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên của anh Đỗ Văn T1, ngày 29/02/2012, UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Hồng H2. Sau khi nhận chuyển nhượng anh T xây hàng gạch cao quá mặt đất 30cm để phân chia ranh giới giữa thửa đất số 730 và 696. Thời điểm này anh Đ cũng xây hàng rào nối tiếp giáp hàng rào nhà anh chạy hết đất nhà anh Đ, là ranh giới giữa thửa đất số 729 và 312, hiện hàng rào chia ranh giới do anh Đ xây vẫn còn. Năm 2021, vợ chồng anh viết giấy chuyển nhượng thửa đất 730 cho anh Nguyễn Văn Đ, tháng 3/2022, làm thủ tục sang tên thửa đất 730 cho anh Đ nhưng do có tranh chấp với anh H nên không thực hiện được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng anh Đỗ Văn T1 trình bày: Khoảng năm 2010, 2011 anh mua cả khu đất trong đó có các thửa đất đang tranh chấp. Khu đất này được chia làm 04 ô để bán cho nhiều người, mua đi bán lại anh không nhớ chi tiết. Các thửa đất này anh nhờ anh Nguyễn Việt H3 đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 696, tờ bản đồ số 9 là 47,5m²; thửa 312, tờ bản đồ số 9, diện tích 150m², nhưng thực tế không nhiều như vậy mà chiều rộng phía trước và phía sau hai ô đất này là 09 mét và các ô còn lại đều có chiều rộng phía trước và phía sau là 09m.

Anh Nguyễn Việt H3 trình bày: Các thửa đất anh Đ và anh H3 đang tranh chấp anh không nhớ số thửa cụ thể, tờ bản đồ nào mà chỉ biết ở tổ A, phường Q, thành phố T, do anh Đỗ Văn T1 nhờ anh đứng tên trong bì đồ, việc mua bán chuyển nhượng do anh T1 thực hiện, anh không biết. Diện tích các thửa đất này như nào anh cũng không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn L trình bày: Các thửa đất anh Đ và anh H3 đang tranh chấp, anh không nhớ số thửa cụ thể, trước đây anh mua của anh T1, không nhớ họ tên, anh T1 là người làm giấy tờ, khi mua anh T1 có nói mặt tiền một ô là 9m, diện tích cụ thể anh không hỏi do tin tưởng nhau, sau đó anh bán lại các thửa đất này cho anh Đ, anh Đ tự sang tên.

Anh Đặng Văn T2 trình bày: Anh là môi giới bất động sản, vào thời điểm 10/3/2017 anh được anh Đ nhờ môi giới bán thửa đất 696, 312, tờ bản đồ số 9, phường Q, thành phố T, anh đã đăng trên Facbook bán diện tích hai thửa đất trên là 9x20m, sau đó việc mua bán giữa anh Đ và các bên thực hiện anh không được biết.

Anh Đoàn Văn L1 và chị Đặng Thị H4 trình bày: Ngày 18/1/2019 anh chị chuyển nhượng cho vợ chồng anh Hoàng Việt H và chị Tạ Thị Thu H1 thửa đất 696, diện tích 47,5m², thửa đất số 312 diện tích 150,5m², cùng tờ bản đồ số 9, phường Q, thành phố T. Nguồn gốc hai thửa đất này anh chị mua của anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị S năm 2017. Khi nhận chuyển nhượng của anh Đ, chị S có thực hiện việc kiểm tra đất và đóng cọc theo diện tích anh Đ, chị S chỉ giới đúng như diện tích được cấp GCN QSD đất, anh Đ không nói gì về diện tích thiếu thừa như thế nào mà anh chị mua bán đúng phần diện tích anh Đ đã được cấp GCN QSD đất. Do không có nhu cầu sử dụng, anh chị chuyển nhượng 02 thửa đất này cho anh H, chị H1 theo đúng diện tích đã đóng cọc mua của anh Đ, chị S là 10m mặt tiền và chiều sâu hết đất. Anh chị đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho anh H buộc anh Đ phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Việt H; Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại quyền sử dụng đất là 26,6m² tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 9 và 28,7m² tại thửa đất số 312, tờ bản đồ số 9, vị trí các thửa đất ở tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cho ông Hoàng Việt H, bà Tạ Thị Thu H1 và phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên diện tích đất đã lấn chiếm (*Theo sơ đồ kèm theo bản án*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng: Theo bản đồ 299, thửa đất 272, diện tích 1780 m² đất 2L, theo bản đồ địa chính năm 1995, thửa 272 được tách làm nhiều thửa, trong đó có thửa 312 diện tích 791 m². Theo bản đồ địa chính năm 2014, thửa 312 được tách làm 04 ô, mỗi ô gồm 02 thửa đất ở và đất cây lâu năm. Quá trình chia đất làm 04 ô, mỗi ô chỉ có chiều rộng mặt đường là 09 mét. Diện tích thực tế của cả 04 ô đều ít hơn diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các bên kê khai để đủ điều kiện tách thửa. Trước khi 02 thửa đất chuyển nhượng cho nguyên đơn, các chủ sử dụng đất cũ rao bán đều xác định chiều rộng mặt đường 02 thửa đất mang tên nguyên đơn là 09 mét mặt đường. Phần diện tích đất cấp cho anh Đ thửa 729 tiếp giáp với phần đất tranh chấp có một phần diện tích đất bà L2 sử dụng từ 30 năm trước. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn xác định không kháng cáo. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên nội dung quan điểm trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc, quá trình chuyển nhượng các thửa đất tranh chấp:

[2] Nguồn gốc thửa đất 312 và 696, tờ bản đồ số 9, phường Q, thành phố T, anh Hoàng Việt H và chị Tạ Thị Thu H1 nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Văn L1, chị Đặng Thị H4 ngày 18/01/2019, anh L1, chị H4 nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị S ngày 08/11/2017, anh Đ, chị S nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn L ngày 27/02/2013.

Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên như nêu trên, hồ sơ chuyển nhượng đều thể hiện thửa đất số 312 có diện tích 150,5m² đất cây hàng năm và diện tích thửa đất 696 là 47,5m² đất ở đô thị. Sau khi chuyển nhượng, UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/02/2019 mang tên anh Hoàng Việt H và chị Tạ Thị Thu H1 đối với thửa đất số 696, tờ bản đồ số 9, diện tích 47,5m² đất ở đô thị và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/02/2019 mang tên anh Hoàng Việt H và chị Tạ Thị Thu H1, đối với thửa đất 312, diện tích 150,5m² đất trồng cây hàng năm.

Nguồn gốc thửa đất 730, tờ bản đồ số 9, diện tích 47,5m² đất ở đô thị, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là của anh Nguyễn Việt H3 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Ngọc T ngày 13/01/2012, sau đó anh Nguyễn Ngọc T chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị S năm 2021, nhưng anh Đ chị S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp với anh H3.

Nguồn gốc thửa đất số 729, tờ bản đồ số 9, phường Q, thành phố T của anh Nguyễn Việt H3 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Đ ngày 13/01/2012, UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/02/2012 mang tên Nguyễn Văn Đ.

[3] Theo bản đồ 299 năm 1986 thì các thửa đất đang tranh chấp là 729,730 và 312, 696 thuộc thửa đất 272, diện tích 1780m² đất 2L; Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, tờ bản đồ số 9 các thửa đất trên thuộc thửa đất 312, diện tích

791m², ngoài ra thửa đất 312 còn được tách ra 02 ô đất khác, tổng cộng là 04 ô đất.

Về hiện trạng sử dụng các thửa đất tranh chấp:

[4] Hiện trạng thửa đất 696 và 312, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh H3 với thửa đất số 729, 730 của anh Đ đang quản lý, sử dụng là bức tường xây gạch cao khoảng 30 cm. Anh H3 cho rằng sau khi anh H3 nhận chuyển nhượng đất đã cho anh Đ mượn, anh Đ mới xây lấn chiếm sang 02 thửa đất của anh H3. Anh Nguyễn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Hồng H2 khai, năm 2012 mua thửa đất 730, tờ bản đồ số 9, diện tích 47,5m² của anh Đỗ Văn T1, anh T xây hàng gạch cao quá mặt đất 30cm để phân chia ranh giới giữa thửa đất số 730 và 696, anh Đ cũng xây hàng rào tiếp theo làm ranh giới giữa thửa đất số 729 và 312, hiện hàng rào chia ranh giới do anh và anh Đ xây vẫn còn.

[5] Thửa đất số 729 của anh Đ có một phần tranh chấp với anh H3, đối chiếu với bản đồ địa chính có một phần diện tích đất bà L2 là hộ liền kề đang sử dụng. Hiện trạng ranh giới thực tế là bức tường xây gạch, bị đơn cho rằng đã tồn tại khoảng 30 năm, trước khi hình thành các thửa đất hiện nay các bên đang tranh chấp.

[6] Như vậy, giữa hiện trạng sử dụng các thửa đất các bên tranh chấp có ranh giới trên thực tế không phù hợp với ranh giới theo bản đồ địa chính. Toà án cấp sơ thẩm không đưa bà L2 là người sử dụng một phần đất thửa 729 anh Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng để làm rõ bà L2 sử dụng một phần thửa đất 729 của anh Đ dựa trên căn cứ nào; chưa làm rõ hiện trạng bức tường xây gạch giữa các thửa đất tranh chấp có từ thời điểm nào, trước hay sau khi anh H3 nhận chuyển nhượng; chưa đo đạc tổng thể các thửa đất được tách ra từ thửa 312 để xác định diện tích đất thực tế và diện tích theo bản đồ địa chính các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phù hợp về kích thước, diện tích không đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất theo bản đồ địa chính là chưa có căn cứ vững chắc.

[7] Với những nội dung nêu trên, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần huỷ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Quá trình giải quyết lại vụ án, Toà án cấp sơ thẩm cần làm rõ bà L2 sử dụng phần đất thuộc thửa 729 của anh Đ từ thời điểm nào, trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu hay sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; Bức tường xây là ranh giới trên thực tế giữa thửa 696, 312 cấp cho anh H3 và thửa 729, 730 anh Đ đang quản lý sử dụng hiện nay do ai xây dựng, có trước khi anh H3 nhận chuyển nhượng 02 thửa đất hay sau khi nhận chuyển nhượng, các chủ sử dụng đất trước có thoả thuận gì về ranh giới giữa các thửa đất tranh chấp trước khi chuyển nhượng cho anh H3 không; Đo tổng thể thửa đất 312 trước và sau khi tách để xác định diện tích, ranh giới đất theo bản đồ địa chính có phù hợp với diện tích, ranh giới đất trên thực tế không.

Về án phí:

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của anh Đ, chị S được chấp nhận, anh Đ, chị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S; Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Đ, chị S mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002112, 0002113 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quế Nguyễn Thị Thuỷ

Hoàng Quý Sửu